

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN T
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 221/2021/QĐST-HNGĐ

T, ngày 23 tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T

Căn cứ các Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 15 tháng 11 năm 2021;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 232/2021/TLST - HNGĐ ngày 12/11/2021 về việc yêu cầu Công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Chị Hạ Thị N, sinh năm 1995

- Anh Lê Sơn T, sinh năm 1990

Cùng HKTT và cư trú: Số 3 – 129 phố Y, phường Y, quận T, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hạ Thị N và Anh Lê Sơn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17/03/2016 tại UBND phường Y, quận T, Thành phố H. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách giữa hai người không phù hợp, anh T không chịu làm ăn dẫn đến kinh tế khó khăn, vợ chồng tôi đã sống ly thân khoảng 2 năm nay, không quan tâm đến nhau. Nay cả hai bên cùng xác định tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài. Chị N và anh T cùng

yêu cầu thuận tình ly hôn là phù hợp với các quy định của pháp luật. Do vậy, căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh chị.

[2] Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung là Lê Chí K, sinh ngày 14/10/2016.

Ly hôn hai đương sự thỏa thuận anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T là 2.000.000 đồng một tháng, kể từ tháng 12/2021 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Sự thỏa thuận về nuôi con sau ly hôn của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với điều kiện cuộc sống thực tế của các bên đương sự và phù hợp với các quy định pháp luật, nên Tòa án công nhận.

[3] Về tài sản chung, nhà ở: Hai đương sự không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về công nợ: Hai đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự nguyện của Chị N tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị Hạ Thị N và Anh Lê Sơn T.

- Về con chung: Giao con chung là Lê Chí K, sinh ngày 14/10/2016 cho Anh Lê Sơn T được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị Hạ Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T là 2.000.000 đồng một tháng, kể từ tháng 12/2021 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung, nhà ở: Hai đương sự không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về công nợ: Hai đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự nguyện của Chị Hạ Thị N nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí Chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T theo biên lai thu tiền số 0032619 ngày 12 tháng 11 năm 2021.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận T;
- UBND p. Y quận T, HN;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Thảo

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:

- (1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.
- (3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.
- (5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.
- (6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;
- (7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.
- (8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].